

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



LÊ ĐĂNG HIẾU

**PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI THUẾ ĐỐI VỚI
HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU LÀ NÔNG SẢN,
QUA THỰC TIỄN TẠI QUẢNG TRỊ**

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

QUẢNG TRỊ, năm 2020

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Lê Thị Nga**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ
họp tại: Trường Đại học Luật
Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm 2020

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu của đề tài	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn	5
7. Cấu trúc luận văn.....	6
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU LÀ NÔNG SẢN.....	7
1.1. Khái niệm thuế, thuế xuất nhập khẩu và ưu đãi thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là nông sản	7
1.1.1. Khái niệm thuế, thuế xuất nhập khẩu.....	7
1.1.1.1. Khái niệm thuế	7
1.1.1.2. Khái niệm thuế xuất nhập khẩu.....	7
1.1.2. Khái niệm ưu đãi thuế và ưu đãi thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hóa là nông sản.....	8
1.1.2.1. Khái niệm ưu đãi thuế	8
1.1.2.2. Khái niệm ưu đãi thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hóa là nông sản	8
1.2. Pháp luật ưu đãi thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là nông sản	9
1.2.1. Khái niệm pháp luật ưu đãi thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là nông sản.....	9
1.2.2. Nội dung pháp luật ưu đãi thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là nông sản.....	9
1.2.2.1. Thuế xuất khẩu ưu đãi đối với hàng hóa là nông sản	9
1.2.2.2. Thuế nhập khẩu ưu đãi đối với hàng hóa là nông sản.....	10
1.3. Mối quan hệ giữa quy định của pháp luật ưu đãi thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu nói chung với quy định của pháp luật ưu đãi thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là nông sản	11
1.3.1. Chính sách thuế quan	11
1.3.2. Chính sách phi thuế quan	11
1.3.3. Chính sách thương mại biên mậu của Việt Nam	11

Kết luận chương 1	12
Chương 2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT ƯU ĐÃI THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU LÀ NÔNG SẢN TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ	13
2.1. Khái quát về tình hình xuất nhập khẩu đối với hàng hóa là nông sản	13
2.1.1. Thực trạng hoạt động xuất khẩu nông sản	13
2.1.2. Thực trạng nhập khẩu nông sản	14
2.2. Thực trạng thực thi pháp luật ưu đãi thuế đối với xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa là nông sản	14
2.2.1. Trong lĩnh vực nhập khẩu nông sản	14
2.2.2. Trong lĩnh vực xuất khẩu nông sản	14
2.3. Đánh giá về khung khổ pháp luật và việc thực hiện pháp luật ưu đãi thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa là nông sản tại tỉnh Quảng Trị	14
Kết luận chương 2	14
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU LÀ NÔNG SẢN.....	16
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về ưu đãi thuế đối với hàng hóa là nông sản.....	16
3.2. Giải pháp hoàn thiện quy định và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật ưu đãi thuế đối với hàng hoá là nông sản xuất nhập khẩu	16
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về ưu đãi thuế.....	16
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật tại tỉnh Quảng Trị	18
Kết luận chương 3	20
KẾT LUẬN	21
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hoạt động xuất nhập khẩu (XNK) nói chung và xuất nhập khẩu nông sản (XNKNS) nói riêng trong những năm qua liên tục phát triển. Nông nghiệp là ngành duy nhất xuất siêu ra thị trường thế giới với 30,14 tỷ USD năm 2015 và hơn 40 tỷ USD năm 2018. Tỷ trọng XNKNS ổn định ở mức cao, tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người dân và doanh nghiệp. Thời gian qua, nhiều chính sách pháp luật của Nhà nước về ưu đãi thuế đối với hoạt động XNKNS được ban hành và ngày càng hoàn thiện. Đến nay, ngoài việc ký kết các Hiệp định thương mại song phương, đa phương, các cơ quan chức năng đã tạo lập môi trường kinh doanh, đặc biệt là môi trường pháp lý ngày càng thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu nông sản.

Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách pháp luật về ưu đãi thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu hàng nông sản chưa khai thác tối đa tiềm lực để phát triển. Chính sách pháp luật về ưu đãi thuế xuất nhập khẩu chưa hoàn thiện, còn nhiều quy định về điều kiện kinh doanh XNKNS gây trở ngại, bất bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh, kiểm tra, giám sát hoạt động xuất nhập khẩu nông sản còn yếu kém... Vì vậy, hoạt động XNKNS của Việt Nam vẫn chưa thực sự bền vững. Cơ cấu hàng nông sản xuất nhập khẩu thời gian qua chủ yếu chuyển dịch theo chiều rộng, chưa đi vào chiều sâu. Hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu là các sản phẩm thô với giá trị gia tăng thấp.

Quảng Trị là một tỉnh thuộc Trung Trung bộ, nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế của địa phương. Mặc dù vậy, sản phẩm nông nghiệp vẫn đang loay hoay tìm hướng đi, cho dù tỉnh có lợi thế có cửa khẩu trên bộ mở cánh cửa thông thương ra các nước Asean.

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, cơ hội cho hoạt động xuất nhập khẩu nông sản mở ra rất lớn nhưng cũng tạo ra không ít thách thức. Để thúc đẩy xuất nhập khẩu nông sản, cần thiết cần phải có những nghiên cứu làm rõ các quy định của pháp luật hiện hành về những chính sách ưu đãi về thuế đối với xuất nhập khẩu nông sản, tìm được những giải pháp thiết thực, khả thi để nâng cao hiệu quả và đảm bảo cho hoạt động xuất nhập khẩu nông sản phát triển vững chắc. Đó cũng chính là lý do tôi lựa chọn đề tài "*Pháp luật về ưu đãi thuế đối với hàng*

hóa xuất nhập khẩu là nông sản, qua thực tiễn tại Quảng Trị” để làm luận văn thạc sĩ chuyên ngành Luật kinh tế của mình.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Lĩnh vực pháp luật về thuế và ưu đãi thuế nói chung và pháp luật về ưu đãi thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là nông sản nói riêng đã và đang thu hút được sự quan tâm nghiên cứu của các học giả, cụ thể:

Bài viết “*Giải pháp đối với ngành nông nghiệp Việt Nam sau gần 3 năm Việt Nam gia nhập AEC*”, năm 2018 của Th.S. Trần Thị Hà và Th.S. Phạm Tiến Đạt – Viện Chiến lược và Chính sách tài chính. Bài viết phân tích những thành tựu của ngành nông nghiệp Việt Nam khi gia nhập AEC cùng với các hạn chế mà Việt Nam gặp phải, thông qua đó kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của các doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có đề cập đến việc phổ biến chính sách thuế nhập khẩu của các nước trong khu vực.

Luận án Tiến sĩ: “*Quản lý nhà nước đối với xuất khẩu nông sản ở Việt Nam trong hội nhập quốc tế*”, (2017), Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh của tác giả Nguyễn Thị Phong Lan. Luận án đề cập đến vấn đề thực trạng việc ban hành và thực thi pháp luật, việc xây dựng và thực thi các chiến lược kế hoạch và chương trình XKNS...

Luận văn Thạc sĩ: “*Pháp luật về quản lý thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thực tiễn tại Cục Hải quan thành phố Đà Nẵng*” (2014), của tác giả Nguyễn Phạm Quý Hương, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội đã đề cập đến thực trạng ban hành và thực thi pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật về lĩnh vực này.

Luận văn Thạc sĩ: “*Pháp luật về thuế xuất nhập khẩu trong điều kiện Việt Nam thực thi cam kết WTO*”, (2011), Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội của tác giả Ngô Khánh Phương. Luận văn đề cập đến thực trạng và các quy định của pháp luật về thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam trong điều kiện thực thi cam kết WTO và những vấn đề bất cập cần phải xem xét để sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh.

Bài viết “*Thúc đẩy xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường Nga*” của bà Doãn Thị Mai Hương – Đại học lao động – xã hội. Trong bài báo tác giả trình bày, phân tích thực trạng xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam sang Liên bang Nga hiện nay và đề ra một số giải pháp nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam sang thị trường này trong thời gian tới. Trong đó tác giả đề xuất các

giải pháp về hoạch định chính sách hỗ trợ từ khâu sản xuất - chế biến - bảo quản... Hoàn thiện chính sách hỗ trợ sản xuất - xuất khẩu nông sản vào thị trường Nga phù hợp với quy định của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và lợi thế của từng ngành hàng; xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư đối với Nga vào lĩnh vực nông nghiệp.

Bài viết: “*Pháp luật về ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp -Bắt cập và hướng hoàn thiện*” của tác giả Phạm Thị Tuyết Giang đăng tại Tạp chí khoa học - Trường Đại học Vinh (2018) Tập 47, Số 3B, tr. 34-43, đề cập những hạn chế, bất cập của pháp luật về ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về lĩnh vực này.

Bài viết: “*Chính sách ưu đãi thuế tại Việt Nam: Những vấn đề đặt ra và khuyến nghị*” của tác giả Trương Bá Tuấn; đề cập đến tổng quan về chính sách ưu đãi thuế và những hạn chế, bất cập của hệ thống chính sách ưu đãi thuế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất định hướng hoàn thiện chính sách ưu đãi thuế ở Việt Nam.

Bài viết: “*Thực hiện ưu đãi thuế xuất nhập khẩu đặc biệt với 6 quốc gia thành viên CPTPP*” của tác giả Minh Anh; đề cập đến điều kiện để được hưởng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi và thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi và lộ trình cắt giảm thuế khi Việt Nam là thành viên CPTPP.

Kế thừa những kết quả nghiên cứu của các công trình trên về mặt lý luận về thuế và ưu đãi thuế, luận văn tiếp tục đi sâu làm sáng tỏ hệ thống pháp luật ưu đãi về thuế XNKNS trong góc nhìn đối chiếu với thực tiễn thực thi tại tỉnh Quảng Trị. Luận văn được thực hiện trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc và kế thừa các kết quả nghiên cứu của các công trình đã được đưa ra nghiên cứu một cách tổng thể, toàn diện vấn đề này trong lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn hướng tới làm rõ hệ thống pháp luật về ưu đãi thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hóa là nông sản. Trên cơ sở thực trạng thực thi pháp luật ưu đãi thuế XNKNS tại Quảng Trị đề xuất giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật và các giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật về ưu đãi thuế XNKNS.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn là:

- Phân tích làm rõ những vấn đề lí luận cơ bản về chính sách pháp luật về thuế xuất nhập khẩu nói chung và chính sách pháp luật về thuế ưu đãi đối với xuất nhập khẩu hàng nông sản;

- Tổng hợp, phân tích thực trạng thực hiện chính sách pháp luật về thuế XNKNS nói chung và thuế ưu đãi đối với XNKNS nói riêng ở Quảng Trị từ 2015 đến nay;

- Chỉ rõ những kết quả đạt được, đánh giá những hạn chế và nguyên nhân chủ yếu; đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách pháp luật đối với XNKNS và nâng cao hiệu quả thực thi trên thực tế;

- Làm rõ những luận cứ khoa học cho các giải pháp đề xuất hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện ưu đãi thuế XNKNS.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật ưu đãi về thuế XNK đối với mặt hàng nông sản của Việt Nam hiện nay và thực trạng thực thi pháp luật ưu đãi về thuế XNK đối với mặt hàng nông sản tại Quảng Trị.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Những quy định pháp luật hiện hành về thuế ưu đãi đối với hoạt động xuất khẩu nông sản thuộc ngành trồng trọt của Việt Nam và ưu đãi về thuế nhập khẩu nông sản của Việt Nam áp dụng đối với nông sản.

Về địa bàn nghiên cứu: Các số liệu thống kê trong luận văn là hình thức XNKNS tại Quảng Trị.

Về thời gian: Quá trình nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng thực hiện chính sách pháp luật đối với hoạt động XNKNS từ giai đoạn 2015 đến nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Để hoàn thành các mục tiêu của đề tài, trong quá trình nghiên cứu luận văn đã thực hiện trên cơ sở của phương pháp duy vật biện chứng, các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

- Phương pháp phân tích quy phạm, tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn song tại Chương 1 được sử dụng như phương pháp nghiên cứu chính để phân tích các khái niệm, phân tích các quy định của pháp luật.

- Phương pháp so sánh pháp luật: Được sử dụng chủ yếu trong chương 1 luận văn để so sánh quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau, của Việt Nam và quốc tế.

- Phương pháp diễn giải, phương pháp dự báo khoa học được sử dụng để đưa ra định hướng và các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về sử dụng và chủ yếu sử dụng trong Chương 3.

- Phương pháp phân tích số liệu thứ cấp được sử dụng chủ yếu trong Chương 2 để làm rõ những số liệu được thu thập từ các cơ quan chức năng liên quan đến thực thi pháp luật về thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hóa là nông sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Các số liệu thứ cấp được thu thập từ số liệu thống kê tổng hợp của các cơ quan: Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị, Chi cục Hải quan cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo, Chi cục Hải quan cửa khẩu Quốc tế La Lay, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Trị. Việc phân tích làm rõ thực trạng thực thi pháp luật về ưu đãi thuế đối với hàng hóa là nông sản trên địa bàn nghiên cứu.

Ngoài ra, để phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài đảm bảo tính khách quan, phản ánh đúng thực tiễn đồng thời minh họa cho các vấn đề nêu ra cần được giải quyết, phương pháp quan sát cũng được tác giả sử dụng để làm rõ các nhận định bằng phương pháp phân tích định lượng và phân tích quy phạm.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

Luận văn được hoàn thành sẽ có một số đóng góp mới trên cả phương diện lý luận và thực tiễn.

- *Về mặt lý luận*: Những kết quả thu được thông qua thực hiện đề tài sẽ bổ sung cơ sở thực tiễn để đánh giá chung về pháp luật liên quan đến chính sách ưu đãi về thuế XNKNS. Đồng thời, bổ sung, hoàn thiện những quy định về pháp luật của nhà nước về chính sách ưu đãi về thuế XNKNS đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả.

- *Về thực tiễn*: Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ là tài liệu tham khảo trong các cơ sở đào tạo pháp luật và các cơ quan ban ngành có liên quan đến thực hiện chính sách pháp luật ưu đãi về thuế XNKNS của tỉnh Quảng Trị. Góp phần giúp

các thương nhân hiểu rõ các chính sách ưu đãi về thuế XNKNS để thúc đẩy hoạt động XNKNS đạt hiệu quả.

7. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục tham khảo, luận văn được bố cục thành 03 chương.

Chương 1. Một số vấn đề lý luận và pháp luật về ưu đãi thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là nông sản.

Chương 2. Thực trạng thực hiện pháp luật ưu đãi thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là nông sản tại tỉnh Quảng Trị.

Chương 3. Nhu cầu và các giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về ưu đãi thuế đối với hàng hóa là nông sản xuất nhập khẩu.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU LÀ NÔNG SẢN

1.1. Khái niệm thuế, thuế xuất nhập khẩu và ưu đãi thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là nông sản

1.1.1. Khái niệm thuế, thuế xuất nhập khẩu

1.1.1.1. Khái niệm thuế

Cho đến nay trong các văn bản chưa thống nhất tuyệt đối về khái niệm thuế. Trên các quan điểm khác nhau đều có định nghĩa về thuế khác nhau. Theo nghĩa thông thường, thuế được hiểu là một biện pháp đặc biệt theo đó nhà nước sử dụng quyền lực của mình để chuyển một phần nguồn lực từ khu vực tư sang khu vực công nhằm thực hiện các chức năng kinh tế của nhà nước. Trên góc độ phân phối thu nhập thuế được coi là hình thức phân phối và phân phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân nhằm hình thành các quỹ tiền tệ tập trung của nhà nước để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.

Cho dù nhìn từ góc độ nào, thuế cũng mang các đặc điểm sau:

Thứ nhất, nội dung kinh tế của thuế được đặc trưng bởi các mối quan hệ tiền tệ phát sinh dưới nhà nước và các pháp nhân, các thể nhân trong xã hội.

Thứ hai, thuế thực chất là quan hệ dưới dạng tiền tệ được nảy sinh một cách khách quan và có tính bắt buộc. Việc thực hiện nghĩa vụ thuế thực chất là chuyển giao thu nhập có tính chất bắt buộc theo mệnh lệnh của nhà nước.

Thứ ba, xét theo khía cạnh pháp luật, thuế là một khoản nộp cho nhà nước được pháp luật quy định theo mức thu và thời hạn nhất định vì vậy mang tính pháp lý cao.

Thứ tư, thuế không mang tính hoàn trả trực tiếp. Thuế “là khoản nhà nước thu đối với tổ chức, cá nhân, là tài sản thuộc sở hữu nhà nước và nhà nước không có nghĩa vụ hoàn trả lại khoản tiền này cho người nộp”.¹

1.1.1.2. Khái niệm thuế xuất nhập khẩu

Thuế được áp dụng cho nhiều lĩnh vực khác nhau và được chia thành nhiều loại thuế. Trong đó, thuế xuất nhập khẩu là một khoản thuế không thể thiếu đặc

¹. Viện Khoa học pháp lý (2004), Từ điển Luật học, Nxb. Tư pháp, tr.734

biệt khi hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hóa giữa các quốc gia ngày càng trở nên sôi động.

Thuế XNK có các đặc trưng sau:

Thứ nhất, là loại thuế gián thu, tiền thuế phải nộp cấu thành trong giá cả hàng hoá. Do đó TXNK trực tiếp tác động trực tiếp đến giá cả hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu, tạo nên tác động dây chuyền đến giá cả hàng hóa hay đơn vị có sử dụng hàng xuất khẩu.

Thứ hai, TXNK chịu sự chi phối, tác động mạnh từ chính sách thương mại của một quốc gia, nhóm quốc gia.

Thứ ba, đối tượng nộp thuế là các tổ chức, cá nhân trực tiếp có hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá qua biên giới.

Thứ tư, đối tượng chịu thuế xuất khẩu, nhập khẩu là hàng hoá được phép xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới Việt Nam.

Thứ năm, TXNK là một loại thuế ít ổn định. Thu ngân sách từ loại thuế này phụ thuộc nhiều vào cung cầu hàng hóa trên thị trường, vào giá cả hàng hóa quốc tế, vào khả năng kiểm soát nạn buôn lậu và nhất là phụ thuộc vào sự giao lưu liên minh, liên kết và hội nhập kinh tế thế giới.

Thứ sáu, TXNK được tổ chức thu một lần ở khâu xuất khẩu, nhập khẩu.

Như vậy TXNK là loại thuế thu vào hành vi xuất khẩu, nhập khẩu các loại hàng hoá được phép xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới Việt Nam.

1.1.2. Khái niệm ưu đãi thuế và ưu đãi thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hóa là nông sản

1.1.2.1. Khái niệm ưu đãi thuế

Khái niệm ưu đãi thuế chưa được một văn bản quy phạm pháp luật nào quy định. Tuy nhiên, nội hàm của nó được hiểu là nhà nước đã dành cho người nộp thuế những điều kiện, quyền lợi đặc biệt hơn so với những đối tượng khác. Đó là việc miễn, giảm nộp thuế trên một hoặc một số mặt hàng nhất định để nhằm khuyến khích đối tượng nộp tập trung đầu tư phát triển kinh tế.

1.1.2.2. Khái niệm ưu đãi thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hóa là nông sản

Xuất nhập khẩu hàng hóa nói chung và xuất nhập khẩu nông sản nói riêng là một hoạt động thương mại quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa nền kinh tế, hoạt động XNK càng trở nên phổ biến và phát triển mạnh mẽ, trong đó bao gồm cả hoạt động XNK đối với hàng hóa là nông sản.

1.2. Pháp luật ưu đãi thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là nông sản

1.2.1. Khái niệm pháp luật ưu đãi thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là nông sản

Pháp luật thuế là hệ thống những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung cho các tổ chức, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực thuế. Pháp luật thuế chỉ rõ các tổ chức, cá nhân trong xã hội phải làm gì và không được làm gì trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định. Pháp luật thuế quy định đầy đủ các yếu tố: người nộp thuế, cơ sở thuế, mức thuế, ưu đãi thuế, thủ tục thuế và xử lý vi phạm về thuế. Cũng như các quy định pháp luật khác, một mặt, pháp luật thuế phải thể hiện rõ các mục tiêu, quan điểm của chính sách thuế; mặt khác, pháp luật thuế phải minh bạch, phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia trong từng giai đoạn lịch sử nhất định. Như vậy, pháp luật thuế phải thể hiện và cụ thể hóa được các nội dung của chính sách thuế và phải quy định rõ được những công việc cụ thể để thực hiện được chính sách thuế đó.

1.2.2. Nội dung pháp luật ưu đãi thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là nông sản

Nội dung pháp luật ưu đãi thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là nông sản được quy định tại Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng; Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan; Nghị định số 57/2019/NĐ-CP ngày 26/06/2019 của Chính phủ về biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) giai đoạn 2019-2022.

1.2.2.1. Thuế xuất khẩu ưu đãi đối với hàng hóa là nông sản

Chính phủ vừa ban hành Nghị định 57/2019/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định CPTPP giai đoạn 2019 – 2022.

Biểu thuế xuất khẩu bao gồm: Mã hàng, mô tả hàng hóa, thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo các giai đoạn khi xuất khẩu sang từng nước, đối với từng mã hàng, theo các năm trong giai đoạn 2019 – 2022, cụ thể như sau:

- Liên bang Mê-hi-cô áp dụng mức thuế suất quy định tại Phụ lục I:

+ Từ ngày 14/01/2019 đến 31/12/2019 tại cột có ký hiệu “(I)”.

+ Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 tại cột có ký hiệu “(II)”.

+ Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021 tại cột có ký hiệu “(III)”.

+ Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022 tại cột có ký hiệu “(IV)”.

- Các nước Ô-xtr-rây-lia, Ca-na-đa, Nhật Bản, Niu Di-lân, Cộng hòa Xinh-ga-po áp dụng mức thuế suất quy định tại Phụ lục I:

+ Từ ngày 14/01/2019 đến 31/12/2019 tại cột có ký hiệu “(II)”.

+ Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 tại cột có ký hiệu “(III)”.

+ Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021 tại cột có ký hiệu “(IV)”.

+ Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022 tại cột có ký hiệu “(V)”.

1.2.2.2. Thuế nhập khẩu ưu đãi đối với hàng hóa là nông sản

Việt Nam xác định chính sách ưu đãi thuế hiện nay hướng tới ưu đãi ở mức cao nhất đối với lĩnh vực nông nghiệp, giảm việc huy động thuế, phí từ lĩnh vực nông nghiệp ở mức thấp nhất, qua đó góp phần thu hút đầu tư, phát triển lĩnh vực nông nghiệp và hỗ trợ người nông dân. Cụ thể:

- Miễn thuế nhập khẩu đối với vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp (như giống cây trồng; giống vật nuôi;...), hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư vào ngành nghề hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 16 Luật thuế Xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13.

- Thuế suất ưu đãi: áp dụng đối với hàng hoá là nông sản nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam. Thuế suất ưu đãi được quy định cụ thể cho từng mặt hàng nông sản tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

-Thuế suất ưu đãi đặc biệt: áp dụng đối với hàng hóa là nông sản nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam theo thể chế khu vực thương mại tự do,

liên minh thuế quan hoặc để tạo thuận lợi cho giao lưu thương mại biên giới và trường hợp ưu đãi đặc biệt khác;

1.3. Mối quan hệ giữa quy định của pháp luật ưu đãi thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu nói chung với quy định của pháp luật ưu đãi thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là nông sản

1.3.1. Chính sách thuế quan

Thuế suất thuế nhập khẩu: Thuế suất thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu được quy định cụ thể cho từng mặt hàng, bao gồm thuế suất ưu đãi, thuế suất ưu đãi đặc biệt và thuế suất thông thường.. Việc phân loại hàng hoá để xác định các mức thuế suất phải tuân thủ theo Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hoá, phân tích để phân loại hàng hoá; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra ATTP đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và các văn bản liên quan.

1.3.2. Chính sách phi thuế quan

Quyền xuất nhập khẩu hàng hóa: Về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế, chính phủ đã ban hành Nghị định 187/2013/NĐ-CP, quy định về quyền xuất nhập khẩu tất cả các hàng hoá đối với thương nhân có vốn đầu tư nước ngoài, công ty và chi nhánh công ty nước ngoài tại Việt Nam nếu đáp ứng được quy định của pháp luật Việt Nam và những cam kết của Việt Nam trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

1.3.3. Chính sách thương mại biên mậu của Việt Nam

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 254/2006/QĐ-TTg ngày 7/11/2006 và Quyết định số 139/2009/QĐ-TTg ngày 23/12/2009 về quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung đường biên giới; trong đó quy định các nội dung liên quan đến hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá của cư dân biên giới; buôn bán tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu; hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá qua biên giới theo các phương thức không theo thông lệ buôn bán quốc tế đã được thoả thuận trong các hiệp định thương mại song phương giữa Việt Nam và các nước có chung biên giới.

Kết luận chương 1

Qua Chương 1 luận văn rút ra một số kết luận sau đây:

1. Luận văn đã thể hiện trên cơ sở quy định của pháp luật, các quan điểm, yêu cầu để đưa ra các khái niệm về thuế, ưu đãi thuế, pháp luật ưu đãi thuế... làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành và thực tiễn thực hiện pháp luật thuế ưu đãi đối với hàng hóa là nông sản.

2. Luận văn đã phân tích vai trò chính sách ưu đãi thuế đối với hàng hóa là nông sản để thu hút đầu tư, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Trong đó, chính sách ưu đãi thuế đối với hàng hóa là nông sản góp phần tạo điều kiện cho doanh nghiệp, người dân và các chủ thể khác trong sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế.

3. Luận văn đã phân tích quy định pháp luật về ưu đãi TXNK đối với hàng hóa là nông sản. Đây là căn cứ để đánh giá việc thực hiện pháp luật ở Chương 2.

Chương 2

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT ƯU ĐÃI THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU LÀ NÔNG SẢN TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ

2.1. Khái quát về tình hình xuất nhập khẩu đối với hàng hóa là nông sản

2.1.1. Thực trạng hoạt động xuất khẩu nông sản

Tại 2 Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo và La Lay thuộc địa bàn tỉnh Quảng Trị hiện nay còn gặp phải một số vướng mắc trong chính sách quản lý thương mại nông sản qua biên giới, trong đó phải kể đến vướng mắc về chính sách thuế quan đối với hàng hóa đưa vào Khu KT-TM Lao Bảo quy định tại Thông tư 109 của Bộ Tài chính

a) Xuất khẩu gạo

Trong giai đoạn 2015 – 2020, xuất khẩu gạo tăng trưởng mạnh và đạt mức cao nhất trong năm 2018 với giá trị xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc đạt 23 triệu USD. Trong năm 2019, kim ngạch xuất khẩu đạt 20 triệu USD.

b) Xuất khẩu hàng hóa là sản lát khô

Xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản của Việt Nam phụ thuộc cao vào Trung Quốc. Riêng ở Quảng Trị giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản chiếm tới 15% tổng giá trị xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu sản cũng không ngừng tăng qua các năm, năm 2015: 197,5 triệu USD; năm 2016: 203,1 triệu USD; năm 2017: 267,1 triệu USD, năm 2018: 269 triệu USD; năm 2019: 272 triệu USD.

Kênh cung ứng sản lát khô chính ngạch sang Trung Quốc gồm các tác nhân: Nông dân, người thu gom sản, lò sấy sản lát khô, doanh nghiệp xuất khẩu sản lát khô.

Chuỗi cung ứng sản lát khô tiểu ngạch bao gồm các tác nhân: Nông dân, người thu gom, doanh nghiệp địa phương, thương nhân biên giới.

c) Xuất khẩu chuối

Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị sản phẩm chuối Mật móc ở huyện Hướng Hóa là sản phẩm xuất khẩu chủ yếu. Khoảng 10 năm lại đây, khi thị trường chuối Mật móc được mở rộng, rồi xuất khẩu đi Trung Quốc, Lào, Thái Lan...

d) Xuất khẩu cà phê

Năm 2019, các công ty thu mua với giá cà phê chín chìm (không ngâm nước) 3700 đồng/kg (thấp hơn các năm trước 800 đồng/kg), cà phê chín nổi 1400 đồng/kg, cà phê xanh 1800 đồng/kg, tỷ lệ xanh cho phép không quá 5% và tỷ lệ nổi không quá 10%. Các công ty lấy có thiệt hại kinh tế của các vụ trước nên năm 2019 đã giảm giá thu mua cho nông dân.

2.1.2. Thực trạng nhập khẩu nông sản

Nhập khẩu nông sản tăng cũng có mức tăng trong 5 năm qua. Trong 5 năm, kim ngạch nhập khẩu nông sản tăng 240,5 triệu USD(2015) lên 415,48 triệu USD(2019), gấp hơn 1,7 lần. Trong đó, nhập khẩu nông lâm thủy sản tăng khá ổn định.

2.2. Thực trạng thực thi pháp luật ưu đãi thuế đối với xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa là nông sản

2.2.1. Trong lĩnh vực nhập khẩu nông sản

Để thực hiện pháp luật thuế thống nhất, hiệu quả, Tổng cục Hải quan có công văn số 4470/TCHQ-TXNK (ngày 9/7/2019) hướng dẫn triển khai NĐ 57 của Chính phủ ban hành Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

2.2.2. Trong lĩnh vực xuất khẩu nông sản

Ngoài sự đánh giá tốt về mức tăng trưởng vượt bậc của xuất khẩu Việt Nam nói chung và xuất khẩu nông sản nói riêng trong giai đoạn nêu trên, vẫn còn nhiều khó khăn nội tại của hàng hóa Việt Nam khi muốn mở rộng thị trường và quy mô xuất khẩu đến các quốc gia đã có ký kết hiệp định thương mại song phương hoặc đa phương (FTA). Về thành quả, hàng hóa Việt Nam đã có mặt tại 200 quốc gia và vùng lãnh thổ, ngoài ra có hàng chục mặt hàng đạt kim ngạch tỷ USD.

2.3. Đánh giá về khung khổ pháp luật và việc thực hiện pháp luật ưu đãi thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa là nông sản tại tỉnh Quảng Trị

Trên cơ sở nhận diện bức tranh về TXK khẩu nói chung và TXNK đối với hàng hóa là nông sản nói riêng, cho thấy việc thực thi pháp luật về ưu đãi TXNK đối với hàng hóa là nông sản cho thấy hệ thống pháp luật đã không ngừng hoàn thiện, hướng tới việc xây dựng một nền nông nghiệp xanh, sạch.

Kết luận chương 2

Pháp luật ưu đãi thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hóa là nông sản trong thời gian qua đã góp phần đem lại những hiệu quả nhất định về phát triển kinh tế xã hội tại Quảng Trị. Với đặc thù là một tỉnh duyên hải ven biển, kinh tế nông nghiệp giữ tỷ trọng chủ yếu, chính sách ưu đãi thuế nông nghiệp nói chung và ưu đãi TXNK đối với hàng hóa là nông sản đóng vai trò hết sức quan trọng trong bình ổn và phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

Thực hiện pháp luật ưu đãi thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hóa là nông sản tại đây còn có những tồn tại, hạn chế. Mặc dù các tồn tại trên đã từng bước được khắc phục nhưng chưa dứt điểm hoàn toàn. Quy định của pháp luật ưu đãi vẫn còn một số bất cập, sơ hở; cơ chế phối hợp kiểm soát giữa các lực lượng còn chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ; công tác quản lý nhà nước còn lỏng lẻo, thiếu nghiêm ngặt. Một số hành vi lợi dụng chính sách ưu đãi này đã và đang diễn ra, gây ảnh hưởng sự phát triển KT - XH tại địa phương.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trên là do các cơ quan địa phương thiếu kinh nghiệm, lúng túng; trách nhiệm tham gia tổ chức, chỉ đạo quản lý điều hành hoạt động của các cơ quan chức năng chưa được phân định rõ, thiếu chặt chẽ, đồng bộ. Các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về xuất nhập khẩu hàng hóa chưa làm hết trách nhiệm.

Để giải quyết những tồn tại đó cần phải có các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về ưu đãi thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hóa là nông sản.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU LÀ NÔNG SẢN

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về ưu đãi thuế đối với hàng hóa là nông sản

Hơn 30 năm đổi mới, nông nghiệp Việt Nam luôn duy trì ở mức tăng trưởng trung bình khoảng 3,5%/năm, xếp loại cao ở khu vực Châu Á nói chung, đặc biệt ở khu vực Đông Nam Á nói riêng. Sau thời kỳ thiếu lương thực kéo dài, từ năm 1989, nước ta đã trở thành nước xuất khẩu lương thực. Vấn đề an ninh lương thực được giải quyết toàn diện, không những đủ cung cấp lương thực, thực phẩm cho hơn 90 triệu người dân với mức thu nhập tăng cao mà còn trở thành cường quốc xuất khẩu nông sản đứng hàng đầu thế giới. Nông nghiệp phát triển đã tạo ra một nông thôn mới với những thay đổi về điện, đường, trường, trạm, giao thông, nhà cửa góp phần ổn định xã hội....

3.2. Giải pháp hoàn thiện quy định và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật ưu đãi thuế đối với hàng hóa là nông sản xuất nhập khẩu

3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về ưu đãi thuế

Hoàn thiện quy định của pháp luật về ưu đãi thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là nông sản nhằm đảm bảo nhà nước thực hiện tốt những cam kết trong các hiệp định thương mại tự do; thực hiện tốt chức năng quản lý kinh tế, quản lý xã hội nói chung và quản lý đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là nông sản nói riêng. Hoàn thiện quy định này nhằm góp phần vận hành có hiệu quả nền kinh tế; là biện pháp cơ bản mang tính quyết định đầu tiên để tiến hành các biện pháp quản lý nhà nước khác. Để thực hiện giải pháp cần triển khai các nội dung sau:

Thứ nhất, cần nghiên cứu toàn diện, có những điều chỉnh cần thiết để chính sách ưu đãi thuế tiếp tục phát huy hiệu quả. Hiện nay chính sách ưu đãi thuế của Việt Nam là tương đối cao.

Thứ hai, hoàn thiện pháp luật phải đảm bảo nguyên tắc về tính kịp thời bởi vì nếu chậm trễ thì cơ hội hưởng lợi của doanh nghiệp và nông dân sẽ mất đi, chính sách chậm đi vào cuộc sống.

Thứ ba, khi xây dựng pháp luật phải tính đến việc không làm phát sinh thêm các thủ tục hành chính khác; thẩm quyền giải quyết chỉ nên trong phạm vi của một bộ, một ngành để có sự tập trung chỉ đạo và dễ thực hiện.

Thứ tư, xây dựng quy phạm pháp luật đảm bảo sự phù hợp với các hiệp ước Việt Nam đã ký kết, nhất là việc thực hiện lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu đối với các nước trong khu vực và những nước khác trong các hiệp định đã ký kết.

Thứ năm, hoàn thiện pháp luật để giải quyết những khó khăn vướng mắc của các doanh nghiệp hiện nay. Nghiên cứu, những tác động tích cực, tiêu cực của chính sách đã thực hiện, những điều ước quốc tế có liên quan; đánh giá tác động thủ tục hành chính...;

Thứ sáu, đối với chính sách thuế quan: Nhà nước cần có chính sách ưu đãi ổn định đối với nông sản xuất khẩu sang các nước khác; đồng thời ưu đãi giảm thuế (thuế GTGT, Thuế thu nhập doanh nghiệp) cho các doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm nông nghiệp.

Thứ bảy, đối với chính sách phi thuế quan, cần:

- Ban hành, khuyến khích và tổ chức kiểm soát chặt chẽ hàng rào kỹ thuật đối với cả nông sản xuất khẩu. Cùng với việc hoàn thiện hàng rào kỹ thuật, Nhà nước cần có chính sách khuyến khích người sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản thực hiện nghiêm các quy định về chất lượng sản phẩm đáp ứng các yêu cầu nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng đối với nông sản. Đồng thời, nâng mức xử phạt, truy cứu trách nhiệm đối với cá nhân và tổ chức vi phạm về tiêu chuẩn chất lượng hàng nông sản. Khuyến khích và có hỗ trợ tài chính để nông dân sản xuất nông sản theo Quy trình VietGap, GlobleGap, tránh tình trạng sản xuất chế biến tùy tiện, bán giá thấp.

Thứ tám, về chính sách biên mậu: Cần có chính sách tuyên truyền, vận động và hỗ trợ tài chính cho cư dân biên giới để họ nâng cao nhận thức và ý thức trong việc tiếp tay cho buôn bán không chính thức qua biên giới. Tránh tình trạng các thương nhân lợi dụng những bến sông để vận chuyển hàng hóa buôn bán trái phép qua biên giới như hàng thực phẩm đông lạnh, gạo xuất theo các bến sông không chính thức ở biên giới.

Thứ mười, Nhà nước cần mở rộng diện không chịu thuế giá trị gia tăng, tạo thuận lợi cho nông nghiệp phát triển.

Thứ mười một, thuế thu nhập doanh nghiệp thông thoáng, ưu đãi cao cho doanh nghiệp đầu tư vào nông sản.

Tiếp theo các nội dung được sửa đổi căn bản tại Luật số 32/2013/QH13 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp - TNDN) về giảm mức động viên thuế xuống 22% và 20%, mở rộng diện các khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế, thực hiện ưu đãi thuế theo dự án đầu tư, khôi phục quy định về ưu đãi thuế đối với đầu tư mở rộng. Các nội dung mới được cộng đồng DN và nhà đầu tư đặc biệt quan tâm gồm:

3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật tại tỉnh Quảng Trị

Quảng Trị hiện nay đang hướng tới việc xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, sản phẩm nông nghiệp sạch, Với ưu thế là tỉnh có cả biên giới trên biển và trên bộ, là cửa ngõ thông ra khu vực ASEAN, hợp tác phát triển vùng sản xuất nông sản dọc biên giới Việt - Lào gắn với chế biến và xuất khẩu thông qua hoạt động hình thành các vùng sản xuất nông sản xuyên biên giới để phục vụ xuất khẩu như cà phê, chuối, sắn và giúp liên kết giữa nông dân 2 nước. Xúc tiến việc hình thành “vùng kinh tế biên giới tự do” “Free Zone” giữa hai nước Việt Nam - Lào để gắn chặt hoạt động sản xuất các hàng hóa chủ lực như cà phê, chuối, sắn gắn với các nhà máy chế biến sâu để nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh. Tích cực hỗ trợ địa phương tìm kiếm, kêu gọi các doanh nghiệp chế biến nông sản đến đầu tư và sản xuất trên địa bàn. Để có thể thực hiện được mục tiêu trên, tỉnh Quảng Trị cần tiến hành đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị và Cục Thuế tỉnh Quảng Trị là cơ quan tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; thống kê hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; kiến nghị chủ trương, biện pháp quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu không để thất thu thuế xảy ra.

Thứ hai, thực hiện các chính sách hỗ trợ để thu hút các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp chế biến nông sản đầu tư vào khu KT - TM Lao Bảo. Cắt giảm phí hạ tầng cửa khẩu, đặc biệt đối với các phương tiện chuyên chở hàng nông sản.

Thứ ba, tiếp tục cải cách hành chính nhằm đơn giản hóa hoạt động thuế cho các doanh nghiệp.

Thứ tư, cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong các cơ quan: Hải quan, Thuế của địa phương. Nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ cho các cán bộ hải quan và thuế, đáp ứng nhu cầu nhân lực tinh gọn và hiệu quả.

Thứ năm, cần đầu tư tăng cường cơ sở vật chất mà cụ thể là nâng cấp trang, thiết bị và cơ sở hạ tầng mạng để tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý thuế.

Thứ sáu, tỉnh cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Kết luận chương 3

Xuất nhập khẩu hàng hóa nông sản phải thể hiện được vai trò trong phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Trị và khu vực. Để thực hiện được mục tiêu đó, trước hết UBND tỉnh phải phối hợp với các bộ, ngành trung ương khắc phục những tồn tại bằng các giải pháp đã nêu trên. Đồng thời, cần rút kinh nghiệm cho việc thực hiện các chính sách ưu đãi tại khu kinh tế này với một số ý kiến đề đạt kiến nghị của luận văn như sau:

1) Đối với các bộ, ngành ở trung ương

Các bộ, ngành trung ương phải chủ động trong quản lý, điều hành xuất nhập khẩu hàng hóa là nông sản, nhất là những mặt hàng nông sản chủ lực, ứng phó nhanh nhẹn, linh hoạt trước những diễn biến tình hình kinh tế tại đây. Đồng thời, thường xuyên sơ tổng kết, rút kinh nghiệm để có giải pháp phù hợp, kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế xảy ra.

2) Đối với UBND tỉnh và các sở, ngành liên quan

Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị là cơ quan chủ quản, chủ trì quản lý nhà nước đối xuất nhập khẩu hàng hóa là nông sản nên phải chủ động, mạnh dạn, khẩn trương và cương quyết hơn trong điều hành, lãnh đạo hoạt động của Ban quản lý cửa khẩu Lao Bảo và La Lay. Các cơ quan Hải quan, Thuế phải tích cực phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng trong lĩnh vực tài chính; phối hợp tốt với các ngành khác liên quan và chủ động tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, kiến nghị đề xuất các vấn đề thuộc ngành dọc của mình, phải phát huy hết chức năng, nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về tình hình và những tồn tại, hạn chế thuộc về trách nhiệm của địa phương. Các ngành chức năng khác, dưới sự tập trung chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Trị chủ động phối hợp một cách đồng bộ, nhịp nhàng để phát triển như mục tiêu đã đề ra.

KẾT LUẬN

Ưu đãi thuế là một trong những nội dung quan trọng trong chính sách thuế của Việt Nam kể từ khi thực hiện cải cách và mở cửa nền kinh tế đến nay. Là nước có truyền thống nông nghiệp lâu đời, với 70% dân số làm nông nghiệp, ưu đãi thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hóa nông sản ở Việt Nam khá đa dạng, bao gồm ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN, ưu đãi về giảm thuế thu nhập cá nhân, về miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hay các hình thức ưu đãi qua áp dụng cơ chế khấu hao nhanh hay cơ chế trích lập Quỹ Khoa học và công nghệ tại DN.

Cùng với các biện pháp kinh tế khác, việc áp dụng các chính sách ưu đãi thuế thời gian qua đã góp phần quan trọng cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, thúc đẩy mở rộng và chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp. Việc áp dụng ưu đãi thuế trong XNK đối với hàng hóa nông sản đã có nhiều tác động tích cực đối với nền nông nghiệp Việt Nam nói chung và nông nghiệp của tỉnh Quảng Trị nói riêng, đó là: (i) Thu hút thêm nguồn lực cho phát triển kinh tế nông nghiệp, góp phần đưa nông nghiệp trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư; (ii) Thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bao gồm cơ cấu ngành, lĩnh vực, cơ cấu vùng miền; (iii) Gia tăng xuất khẩu; (iv) Thúc đẩy chuyển giao công nghệ.

Tuy nhiên, pháp luật và chính sách ưu đãi TXNK đối với hàng hóa nông sản và việc thực hiện chúng ở Việt Nam thời gian qua đã và đang tồn tại những bất cập, chưa thực sự tạo môi trường công bằng và thuận lợi cho nông nghiệp phát triển. So với nhiều quốc gia trong khu vực, mức độ ưu đãi trong hệ thống pháp luật và chính sách thuế của Việt Nam đối với hàng hóa là nông sản chưa thực sự hỗ trợ nông dân và doanh nghiệp gắn bó với nông nghiệp.

Cùng với đó, danh mục ngành, nghề, lĩnh vực và địa bàn được hưởng ưu đãi thuế cũng khá rộng, chưa có chính sách cụ thể đối với vùng, miền và khu vực cụ thể. Thực tiễn này vô hình trung đã làm giảm vai trò “định hướng” của pháp luật và chính sách về ưu đãi thuế trong việc thực hiện các mục tiêu về phát triển nông nghiệp Việt Nam.

Với những hạn chế, bất cập này dẫn đến chính sách ưu đãi thuế xuất nhập khẩu là hàng hóa nông sản với mục tiêu để thúc đẩy phát triển nông nghiệp, hỗ

trợ nông dân chưa mang lại hiệu quả như kỳ vọng. Cụ thể tại địa bàn tỉnh Quảng Trị, khu vực có điều kiện tự nhiên ít thuận lợi, trình độ phát triển thấp vẫn gặp nhiều khó khăn trong thu hút đầu tư cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao, do những hạn chế về vị trí địa lý cũng như kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực.

Hệ thống pháp luật chính sách ưu đãi TXNK đối với hàng hóa nông sản của Việt Nam chủ yếu dựa vào các loại hình ưu đãi dựa trên lợi nhuận như ưu đãi về giảm mức thuế suất, áp dụng thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN. Đây là các loại hình ưu đãi được nhiều nhà nghiên cứu cho rằng kém hiệu quả nhất và có chi phí cao nhất. Điều này đòi hỏi ở cả cấp độ vĩ mô và vi mô, cần tiếp tục xây dựng một hệ thống pháp luật thuế ưu đãi đối với XNK hàng hóa là nông sản “thân thiện với tăng trưởng” gắn với các mục tiêu, định hướng xác định trong Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 25/2016/QH14 của Quốc hội.

Việc đổi mới toàn diện hoạt động quản lý thuế nói chung và thuế XNK nói riêng, hướng đến quản lý thuế điện tử dựa trên 3 nền tảng cơ bản: (i) Tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính thuế đơn giản, minh bạch, phù hợp với thông lệ quốc tế; (ii) Đẩy mạnh quản lý dựa trên rủi ro trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các khâu của quy trình quản lý thuế và xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu về người thuế đầy đủ, toàn diện không chỉ liên quan đến các thông tin do ngành Thuế quản lý mà còn cả các thông tin khác có liên quan từ bên thứ ba; (iii) Xây dựng bộ máy quản lý thuế gọn nhẹ, hiệu quả và hiệu lực. Cùng với đó, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về thuế, hình thành các cơ chế để chia sẻ thông tin về người nộp thuế, về các hiệp định thuế và chính sách thuế với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới để tăng cường hiệu quả việc xử lý các vấn đề về thuế phát sinh, bao gồm cả những vấn đề liên quan đến chính sách ưu đãi thuế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Quản lý Khu kinh tế, *Báo cáo số: 150/KKT-DN ngày 31/3/2016 về tình hình hoạt động Khu KTTMĐB Lao Bảo trong thời gian qua, những khó khăn và kiến nghị giải pháp tháo gỡ*, Đông Hà.
2. Nguyễn Văn Bình (2016), phát triển bền vững Khu KTTMĐB Lao Bảo trong mối quan hệ với chuỗi đô thị trên Hành lang Kinh tế Đông - Tây, Đông Hà.
3. Bộ Công Thương (2017), Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2016.
4. Bộ Công Thương (2013), Quyết định phê duyệt Quy hoạch kinh doanh thương nhân xuất khẩu gạo, ngày 28-8.
5. Bộ Công Thương (2011). Quyết định số 4603/QĐ-BCT về việc phê duyệt và công bố Danh sách “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2013, ngày 23-5.
6. Bộ Công thương (2011), Quyết định số 1856/QĐ-BCT về việc ban hành kế hoạch và các giải pháp điều hành xuất nhập khẩu năm 2011 và thời gian tới.
7. Bộ Công Thương (2016), Quyết định số 4769/QĐ-BCT về việc phê duyệt và công bố Danh sách “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2015, ngày 6-12.
8. Bộ Công Thương, Cục Xuất nhập khẩu (2014), Tổng quan tình hình xuất khẩu nhóm hàng nông sản, thủy sản Việt Nam năm 2013.
9. Bộ Tài chính (2005), *Thông tư số 74/2005/TT-BTC ngày 07/9/2005 về việc hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng tại Khu KTTMĐB Lao Bảo*, Hà Nội.
10. Bộ Tài chính, *Công văn số: 5694/BTC-CST ngày 04/5/2011 về việc xử lý ưu đãi thuế và quản lý hàng hóa xuất vào Khu KTTMĐB Lao Bảo, khu Cầu Treo*, Hà Nội.
11. Bộ Tài chính, *Thông tư số: 205/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội.
12. Bộ NN&PTNT (2014), Báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch 2014 và triển khai nhiệm vụ kế hoạch 2015, Hà Nội, ngày 25-12.

13. Bộ NN&PTNT (2015), Báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp năm 2015 và đánh giá 05 năm 2011-2015; triển khai nhiệm vụ và kế hoạch 2016 và 05 năm 2016-2020, Hà Nội, ngày 5-1. Bùi Xuân Lư (2004), Bảo hộ hợp lý nông nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.

14. Cục Thống kê tỉnh Quảng Trị, *Niên giám thống kê tỉnh Quảng Trị 1997*, Nhà xuất bản Thống kê - 1998.

15. Cục Thống kê tỉnh Quảng Trị, *Niên giám thống kê tỉnh Quảng Trị 2014*, Nhà xuất bản Thống kê - 2015.

16. Chi cục thuế huyện Hướng Hóa, *Công văn số: 15/CCT ngày 02/01/2016 về việc đề nghị phối hợp công tác*, Khe Sanh.

17. Chính phủ, *Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 quy định hàng cấm nhập khẩu*, Hà Nội.

18. Phạm Thị Tuyết Giang (2018), Pháp luật về ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp -Bất cập và hướng hoàn thiện”, Tạp chí khoa học - Trường Đại học Vinh (2018) Tập 47, Số 3B, tr. 34-43

19. Trần Thị Hà, Phạm Tiến Đạt, (2018), “Giải pháp đối với ngành nông nghiệp Việt Nam sau gần 3 năm Việt Nam gia nhập AEC”, Viện Chiến lược và Chính sách tài chính.

20. Thy Hằng, “Xây chuỗi” xuất khẩu nông sản Việt, <http://ibtc.com.vn/tin-tuc/tin-tuc-thoi-su/xay-chuoi-xuat-khau-nong-san-viet-1188.html>

21. Nguyễn Phạm Quý Hương (2014), Pháp luật về quản lý thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thực tiễn tại Cục Hải quan thành phố Đà Nẵng”, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

22. Hội đồng Nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VI, kỳ họp thứ 18, *Nghị quyết số: 23/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 về việc kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2016*, Đông Hà.

23. Lưu Đức Khải (2010), Tăng cường năng lực tham gia thị trường của hộ nông dân thông qua chuỗi giá trị hàng nông sản, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

24. Nguyễn Hữu Khải (chủ biên) (2007), Chuyên dịch cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

25. Phạm Văn Khôi (2007), Giáo trình phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

26. P.R.Krugman - Maurice Obsfeld (1996), Kinh tế học quốc tế, lý thuyết và chính sách, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

27. Nhã Khương (2011), Tăng thuế xuất khẩu nông sản, một mũi tên trúng hai đích, nhipcaudautu.vn, ngày 18-7.

28. Trần Du Lịch (2014), Tái cấu trúc thị trường, quan điểm và định hướng xuất khẩu, Diễn đàn xuất khẩu 2014: Định hướng thị trường văn phẩm xuất khẩu, trung tâm XTTM và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

29. Thùy Liên (2017), Chính sách xuất khẩu gạo nhiều bất cập, Vinafood1, Vinafood2 hưởng đặc quyền, <http://baodautu>, ngày 17-3.

30. Pascal Liu (2007), Các quy định, tiêu chuẩn và chứng nhận đối với nông sản xuất khẩu, Hướng dẫn thực hành cho người sản xuất và xuất khẩu ở châu Á, RAP Publication Nguyễn Đình Long, Nguyễn Tiến Mạnh, Nguyễn Võ Định (1999), Phát huy lợi thế nâng cao khả năng cạnh tranh của nông sản xuất khẩu Việt Nam, Nhà xuất bản Nông nghiệp.

31. Vũ Chí Lộc (2004), Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường châu Âu, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

32. Bùi Xuân Lưu (2001), Giáo trình kinh tế ngoại thương.

33. Ngô Thị Tuyết Mai (2007), Nâng cao sức cạnh tranh của một số mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, Luận án tiến sỹ kinh tế, Trường đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội. Bình Minh (2010), Tăng cường khả năng tham gia của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu mặt hàng cà phê, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 19.

34. Trần Hoa Phượng (2012), Thái Lan, Malayxia và Philipin với việc phát triển các sản phẩm nông sản xuất khẩu, Tạp chí Những vấn đề kinh tế chính trị thế giới, số 5 (169)

35. Ngô Khánh Phượng (2011), Pháp luật về thuế xuất nhập khẩu trong điều kiện Việt Nam thực thi cam kết WTO”, (2011), Khoa Luật, Đại học Quốc Gia Hà Nội

36. Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

37. Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

38. Lương Xuân Quỳ (Chủ biên) (2006), Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

39. Lương Xuân Quỳ, Lê Đình Thắng (đồng chủ biên) (2006), GTGT hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

40. Trần Ngọc Quyên (2013), Cà phê xuất nhiều, lợi nhuận ít.

41. Thủ tướng Chính phủ (2005), *Quyết định số 11/2005/QĐ-TTg ngày 12/01/2005 về việc ban hành Quy chế Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị*, Hà Nội.

42. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu nói chung*, Hà Nội.

43. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số:1229/QĐ-TTg ngày 19/7/2010 về việc thành lập BQL khu kinh tế tỉnh Quảng Trị*, Hà Nội.

44. Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, *Nghị định số 25/NA ngày 25 tháng 3 năm 2002 ban hành quy định Khu thương mại biên giới Đen Sa Vẳn, Viêng Chăn*.

45. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 219/1998/QĐ-TTg ngày 12/11/1998 ban hành Quy chế Khu vực khuyến khích phát triển Kinh tế và Thương mại Lao Bảo*, Hà Nội.

46. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số: 16/2010/QĐ- TTg ngày 01/5/2010 ban hành sửa đổi, bãi bỏ một số quy định tại các quy chế hoạt động của khu kinh tế cửa khẩu*, Hà Nội.

47. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số: 321/QĐ-TTg ngày 02/3/2011 phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020*, Hà Nội.

48. Trương Bá Tuấn, Chính sách ưu đãi thuế tại Việt Nam: Những vấn đề đặt ra và khuyến nghị”, <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/chinh-sach-uu-dai-thue-tai-viet-nam%C2%A0nhung-van-de-dat-ra-va-khuyen-nghi-302111.html>,

49. Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị (2007), *Công văn số 425/UBND-TM ngày 02/3/2007 về việc quản lý PTGTCGĐB tại Khu KTTMĐB Lao Bảo tạm nhập tái xuất vào nội địa*, Đông Hà.

50. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XI nhiệm kỳ 2015 - 2020 (2015), *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020*, Quảng Trị.

51. Văn phòng Chính phủ, *Công văn số: 2037/VPCP-KTTH ngày 15/3/2013, về việc xử lý vướng mắc về chính sách đối với Khu KTTMĐB Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị*, Hà Nội.

52. Viện Khoa học pháp lý (2004), *Từ điển Luật học*, Nxb. Tư pháp,

53. http://tratu.soha.vn/dict/vn_vn/Thu%E1%BA%BF

54. Xuất khẩu nông sản Việt: Hàng rau quả bút phá,
<https://www.customs.gov.vn/Lists/TinHoatDong/ViewDetails.aspx?ID=26853&Category=Tin%20n%E1%BB%95i%20b%E1%BA%ADt>

55. [http://www.moit.gov.vn/vn/tin-tuc/2861.Bộ NN&PTNT](http://www.moit.gov.vn/vn/tin-tuc/2861.B%E1%BB%95i%20b%E1%BA%ADt) (2016), Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 06 tháng đầu năm, nhiệm v 06 tháng cuối năm 2016, Hà Nội, ngày 29-06.